

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2019.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Xiêm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 402/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Thúy Y, sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn Châu T, sinh năm 1980 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đỗ Cao Hoàng S, sinh năm 1990 – Chủ đại lý thức ăn gia súc H.

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: số X, cư xá P, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Mai Thị Thúy Y trình bày: chị Y và anh T do quen biết nhau khoảng vài tháng nên tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2005.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở bên gia đình chồng tại ấp T, xã T, huyện M, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng vài năm, sau đó đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, anh T thường hay nhậu say kiếm chuyện vô cớ và có lần còn đánh đập chị Y. Do đó, đến khoảng tháng 5 năm 2015 chị Y ly thân với anh T, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Thời gian ly thân, chị Y và anh T có gặp nhau nhưng vợ chồng không bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay chị Y xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Thời gian sống chung, vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 05/01/2008 và Dương Kim Y, sinh ngày 13/02/2010, hiện cả 02 con đang sống chung với anh T, sau khi ly hôn chị Y cũng đồng ý để cho anh T được trực tiếp nuôi 02 con, chị Y không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ chăm lo cho con theo khả năng của chị Y. Tài sản chung: không có. Nợ chung: nợ của đại lý thức ăn gia súc H (chị Đỗ Cao Hoàng S) là 40.000.000 đồng tiền vay, khi vay có thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng (tính lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng), chị Y chỉ đồng ý chia đôi số nợ vay này, chị Y và anh T mỗi người sẽ trả $\frac{1}{2}$ số nợ này cho chị S, đồng ý trả nợ vay gốc và trả lãi đối với số tiền vay này từ ngày 17/7/2018 cho đến nay theo mức lãi suất mà người đại diện theo ủy quyền của chị S yêu cầu là 1%/tháng nhưng xin được trả dần hàng tháng cho chị S; bởi vì đây là tiền vay để mua heo con (27 con heo con cai sữa giá khoảng 1.300.000 đồng/con) và xây chuồng trại nuôi heo nhưng 27 con heo mới nuôi được khoảng 05 tháng chưa ra chuồng thì chị và anh T đã ly thân nhau (khoảng tháng 5 năm 2015), lúc đó chị đã bỏ nhà đi làm thuê ở nơi khác nên khi heo ra chuồng do anh T lấy tiền bán heo toàn bộ; khi đó tiền thức ăn chăn nuôi heo còn nợ đại lý H là khoảng 15.000.000 đồng nên số nợ thức ăn gia súc hiện nay là 43.065.000 đồng là nợ riêng của anh T do anh T mua heo con và thức ăn chăn nuôi heo sau khi chị đã ly thân với anh T.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Dương Văn Châu T trình bày: về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và con chung như chị Y trình bày là đúng. Thời gian sống chung tại nhà anh ở ấp T, xã T thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, anh chỉ có đánh vợ một lần trong lúc vợ chồng cãi vã xô xát nhau. Khoảng tháng 6 năm 2014 chị Y bỏ nhà đi cho đến nay nhưng thường thì khoảng từ 02 đến 03 tháng vẫn còn về nhà. Thời gian ly thân, vợ chồng có gặp nhau nhưng vợ chồng không bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y. Về con chung: sau khi ly hôn, anh sẽ trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không có. Nợ chung: nợ chị Đỗ Cao Hoàng S là 40.000.000 đồng tiền vay, khi vay có thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng (tính lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng), bởi vì đây là tiền vay để mua heo con (23 con heo con cai sữa) và xây chuồng trại nuôi heo nhưng 23 con heo mới nuôi được 05 tháng chưa ra chuồng thì chị Y đã bỏ nhà đi nhưng khi bán heo chỉ bán được đủ trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc thời điểm đó (không nhớ rõ số tiền bán heo), còn

nợ vay thì vẫn chưa trả; đối với nợ tiền thức ăn chăn nuôi gia súc của chị Đỗ Cao Hoàng S là 43.065.000 đồng là nợ riêng của anh. Anh đề nghị chị Y phải có nghĩa vụ trả nợ với anh, cụ thể: anh và chị Y mỗi người sẽ trả cho chị Đỗ Cao Hoàng S là 20.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi theo mức lãi suất mà người đại diện theo ủy quyền của chị S yêu cầu là 1%/tháng từ ngày 17/7/2018 cho đến nay nhưng xin được trả dần hàng tháng cho chị S; riêng nợ tiền thức ăn chăn nuôi gia súc của chị Đỗ Cao Hoàng S là 43.065.000 đồng anh đồng ý tự trả tiền nợ thức ăn gốc là 43.065.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất mà người đại diện theo ủy quyền của chị S yêu cầu là 0,75%/tháng từ ngày 17/7/2018 cho đến nay nhưng xin được trả dần hàng tháng cho chị S. Khi hòa giải tại trụ sở ấp T, xã T vào ngày 05/10/2017 thì chỉ có anh và chị S tham dự hòa giải, lúc đó anh và chị S thống nhất thỏa thuận cho anh trả nợ dần đối với số tiền tổng cộng nợ vay và thức ăn chăn nuôi gia súc là 92.365.000 đồng, cụ thể mỗi tháng anh sẽ trả cho chị S là 1.300.000 đồng tiền thức ăn, còn lại 40.000.000 đồng tiền vay khoanh nợ lại khi nào trả xong tiền thức ăn sẽ trả nợ vay sau, sau khi hòa giải thành tại ấp thì anh có trả dần hàng tháng 1.300.000 đồng tiền nợ thức ăn (trong đó có 01 tháng trả 1.500.000 đồng) được 07 tháng tổng số tiền là 9.300.000 đồng, không có trả tiền vay và lãi vay cho chị S.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Cao Hoàng S là ông Nguyễn Dương Kim H trình bày: vào năm 2017 anh T, chị Y vay mượn 40.000.000 đồng của đại lý thức ăn gia súc H để xây dựng chuồng nuôi heo và có ký thỏa thuận trả lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng (1%/tháng), sau đó anh T, chị Y có mua nợ thức ăn chăn nuôi heo tại đại lý H tổng kết nợ lại đến ngày 10/7/2017 là 92.365.000 đồng (bao gồm tiền vay là 40.000.000 đồng xây dựng chuồng nuôi heo và 52.365.000 đồng tiền nợ thức ăn) nhưng anh T chỉ trả được là 9.300.000 đồng tiền thức ăn, còn nợ lại tổng số tiền là 83.065.000 đồng. Khi hòa giải tại trụ sở ấp T, xã T vào ngày 05/10/2017 thì chỉ có anh T và chị S tham dự hòa giải, lúc đó chị S có tự nguyện cho anh T được trả nợ dần đối với số tiền tổng cộng là 92.365.000 đồng, cụ thể mỗi tháng anh T sẽ trả cho chị S là 1.300.000 đồng tiền thức ăn, còn lại 40.000.000 đồng tiền vay khoanh nợ lại khi nào trả xong tiền thức ăn sẽ trả nợ vay sau nhưng anh T đã không thực hiện đúng theo cam kết của anh vì chỉ có trả được 07 tháng với số tiền là 9.300.000 đồng tiền thức ăn. Nay chị S có thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/3/2019 (giảm mức lãi suất tiền nợ thức ăn từ 1,125%/tháng còn 0,75%/tháng). Cụ thể: đối với số tiền vay là 40.000.000 đồng thì tính lãi từ ngày 06/11/2017 cho đến ngày Tòa xét xử như sau: $40.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 8.000.000 \text{ đồng}$, tổng vốn vay và lãi là 48.000.000 đồng; đối với số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc là 52.365.000 đồng thì tính lãi từ ngày 06/11/2017 cho đến ngày Tòa xét xử như sau: $52.365.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 7.854.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 60.219.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị S yêu cầu chị Y và anh T phải liên đới hoàn trả (nợ vay và thức ăn gia súc) là 108.219.000 đồng trừ đi số tiền vốn gốc mà anh T đã trả được là 9.300.000 đồng nên còn phải liên đới trả là 98.919.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 434, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 27, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T. Về con chung: anh T được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Dương Thị Thúy A, sinh ngày 05/01/2008 và Dương Kim Y, sinh ngày 13/02/2010, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung: không có nên không đề cập. Về nợ chung: ông Nguyễn Văn Việt T và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Cao Hoàng S: buộc chị Y, anh T mỗi người phải hoàn trả cho chị S số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/11/2017 đến khi xét xử với số tiền là 4.000.000 đồng; buộc anh T trả cho chị S tiền thức ăn là 43.065.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/7/2018 đến khi xét xử với số tiền là 4.199.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Cao Hoàng S là ông Nguyễn Dương Kim H có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T liên đới trả nợ thức ăn chăn nuôi gia súc, cụ thể là giảm mức lãi suất tiền nợ thức ăn từ 1,125%/tháng còn 0,75%/tháng so với đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/3/2019. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Cao Hoàng S do việc thay đổi yêu cầu của chị S không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/3/2019.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T do quen biết nhau nên tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2005. Xét thấy, hôn nhân của chị Y và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Y và anh T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị Y xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y và anh T đều cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà lại bỏ mặc nhau nên căn cứ vào Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: chị Y và anh T có 02 con chung là cháu Dương Thị Thúy A, sinh ngày 05/01/2008 và Dương Kim Y, sinh ngày 13/02/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh T thống nhất giao cho anh T được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của chị Y và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: chị Y và anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Đối với nợ của ông Nguyễn Văn Việt T và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M. Ông Nguyễn Văn Việt T không có yêu cầu chị Y và anh T hoàn trả tiền vay và tiền thức ăn chăn nuôi gia súc trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M cũng không có yêu cầu chị Y và anh T hoàn trả tiền vay trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với nợ của chị Đỗ Cao Hoàng S, chị S yêu cầu chị Y và anh T phải liên đới hoàn trả (nợ vay và thức ăn gia súc) là 108.219.000 đồng trừ đi số tiền vốn gốc mà anh T đã trả được là 9.300.000 đồng nên còn phải liên đới trả là 98.919.000 đồng (bao gồm vốn gốc và lãi). Chị Y chỉ đồng ý là chị và anh T mỗi người sẽ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng như ông H (người đại diện theo ủy quyền của chị S) yêu cầu nhưng đề nghị thời gian tính lãi là từ ngày 17/7/2018 cho đến khi Tòa án xét xử và xin được trả dần hàng tháng cho chị S, riêng tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc là 43.065.000 đồng là nợ riêng của anh T nên chị không đồng ý trả cho chị S. Anh T cũng thống nhất với đề nghị của chị Y về việc trả nợ cho chị S tiền vay vốn và lãi như chị Y trình bày, tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc là 43.065.000 đồng là nợ riêng của anh nên anh đồng ý tự trả nợ thức ăn cho chị S. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị Y, anh T, ông H và tài liệu, chứng cứ là sổ mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc do anh T và ông H cung cấp cũng như nội dung “Biên bản hòa giải V/v mua bán thức ăn chăn nuôi” đề ngày 05/10/2017 của tổ hòa giải ấp T, xã T có đủ căn cứ xác định anh T, chị Y có hợp đồng vay tiền và mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc với chị S, tính đến thời điểm xét xử tổng số nợ vay và thức ăn còn nợ chị S là 83.065.000 đồng vốn gốc (trong đó tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền thức ăn chăn nuôi gia súc là 43.065.000 đồng).

[7] Đối với số tiền vay của chị S là 40.000.000 đồng, anh T và chị Y thừa nhận có vay của chị S số tiền là 40.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng nhưng không có thỏa thuận thời hạn hoàn trả tiền vay là khi nào, anh T xác định có đóng lãi tiền vay cho chị S hàng tháng với mức lãi suất vay là 1%/tháng nhưng đến ngày 05/10/2017 khi tổ hòa giải ấp T hòa giải thành cho anh trả nợ dần cho chị S mỗi tháng là 1.300.000 đồng đối với số tiền nợ thức ăn gia súc là 52.365.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng tiền vay thì khoan nợ lại khi trả xong

tiền thức ăn mới trả nợ vay sau nên anh T không có trả tiếp tiền vay cũng như lãi vay cho chị S nữa. Phía ông H không thừa nhận việc anh T có trả lãi tiền vay hàng tháng. Chị Y, anh T đều thừa nhận còn nợ tiền vay vốn của chị S là 40.000.000 đồng và đồng ý trả tiền vay vốn và lãi nhưng xin được trả dần cho chị S, phía ông H không đồng ý với đề nghị của chị Y, anh T nên Hội đồng xét xử buộc chị Y, anh T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị S số tiền vay vốn 40.000.000 đồng là phù hợp. Về mức lãi suất các đương sự cũng thống nhất là 1%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tuy nhiên các đương sự không thống nhất về mốc thời gian trả lãi. Xét thấy, theo nội dung “Biên bản hòa giải V/v mua bán thức ăn chăn nuôi” đề ngày 05/10/2017 của tổ hòa giải ấp T, xã T xác định số tiền anh T hoàn trả cho chị S là 9.300.000 đồng là trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc mà chưa trả nợ vay gốc và lãi, biên bản hòa giải này thể hiện số tiền vay vốn gốc là 40.000.000 đồng chị S đồng ý cho anh T kéo dài thời hạn trả nợ, cụ thể là chỉ trả tiền vay vốn gốc này khi trả xong nợ tiền thức ăn chăn nuôi gia súc chứ không thể hiện việc chị S đồng ý miễn nghĩa vụ trả tiền lãi vay cho anh T và chị Y. Do đó, việc chị S yêu cầu tính lãi từ ngày 06/11/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp, số tiền lãi được tính như sau: $40.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 8.000.000 \text{ đồng}$; tổng cộng vốn vay và lãi mà anh T và chị Y phải liên đới hoàn trả cho chị S là 48.000.000 đồng nhưng chia theo phần do chị Y và anh T ly hôn với nhau, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả là 24.000.000 đồng cho chị S.

[8] Đối với số tiền thức ăn chăn nuôi gia súc của chị S là 43.065.000 đồng. Xét thấy, đây là số tiền nợ trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của chị Y và anh T khi anh chị còn sống chung và mục đích mua thức ăn chăn nuôi gia súc theo anh T, chị Y xác định là khi bán heo dùng tiền để trả nợ thức ăn chăn nuôi gia súc và nếu có lãi thì sẽ phục vụ chi tiêu gia đình và chăm lo cho hai con chung học hành là cũng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 buộc chị Y và anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ thức ăn chăn nuôi gia súc cho chị S là phù hợp. Tuy nhiên, số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc chị S yêu cầu là 52.365.000 đồng vốn gốc và tính lãi từ ngày 06/11/2017 cho đến ngày Tòa xét xử là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, theo nội dung “Biên bản hòa giải V/v mua bán thức ăn chăn nuôi” đề ngày 05/10/2017 của tổ hòa giải ấp T, xã T xác định số tiền anh T hoàn trả cho chị S là 9.300.000 đồng là trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi gia súc, biên bản hòa giải này thể hiện số tiền nợ này chị S cũng đồng ý cho anh T được trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 1.300.000 đồng, ông H cũng thừa nhận anh T đã hoàn trả cho chị S là 9.300.000 đồng, đồng thời các bên mua bán thức ăn không thỏa thuận lãi suất nên số tiền nợ thực tế chỉ là 52.365.000 đồng trừ cho 9.300.000 đồng còn 43.065.000 đồng. Anh T chỉ trả được tổng số 9.300.000 đồng là đến ngày 16/7/2018 thì anh T vi phạm theo thỏa thuận với chị S nên buộc anh T phải có nghĩa vụ trả lãi do chậm trả tiền từ ngày 17/7/2018 theo mức lãi suất chị S yêu cầu là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, số tiền lãi được tính từ ngày 17/7/2018 cho đến ngày Tòa xét xử như sau: $43.065.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 4.199.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn mua bán và lãi mà anh T và chị Y phải liên đới hoàn trả cho chị S là 47.264.000 đồng nhưng chia theo phần do chị Y và

anh T ly hôn với nhau, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả là 23.632.000 đồng cho chị S.

[9] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đối với quan điểm không buộc chị Y phải liên đới với anh T hoàn trả tiền thức ăn chăn nuôi gia súc cho chị S thì chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã phân tích nêu trên nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: án phí ly hôn chị Y phải chịu là 300.000 đồng do chị yêu cầu ly hôn; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: chị Y phải chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ cho chị S là: $(47.632.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.381.000 \text{ đồng}$; chị S phải chịu án phí về yêu cầu không được chấp nhận là: $(98.919.000 \text{ đồng} - 95.264.000 \text{ đồng}) = 3.655.000 \text{ đồng}$, án phí phải chịu là 300.000 đồng; anh T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 290, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T.

Về nuôi con chung: anh Dương Văn Châu T được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Dương Thị Thúy A, sinh ngày 05/01/2008 và Dương Kim Y, sinh ngày 13/02/2010, hiện đang sống chung với anh T; chị Mai Thị Thúy Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T thống nhất không có nên không đề cập.

Về nợ chung:

Buộc chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Đỗ Cao Hoàng S tiền vay vốn gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 8.000.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng; chia theo phần, anh T, chị Y mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả là 24.000.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả tiền vay: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng.

Buộc chị Mai Thị Thúy Y và anh Dương Văn Châu T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Đỗ Cao Hoàng S tiền vốn gốc thức ăn chăn nuôi gia súc là 43.065.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 4.199.000 đồng, tổng cộng là 47.264.000 đồng; chia theo phần, anh T, chị Y mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả là 23.632.000 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả tiền thức ăn chăn nuôi gia súc: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Án phí ly hôn: chị Mai Thị Thúy Y phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000325 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Mai Thị Thúy Y phải chịu án phí là 2.381.000 đồng.

Anh Dương Văn Châu T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Chị Đỗ Cao Hoàng S phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.123.000 đồng theo biên lai thu số 0000341 ngày 24/12/2018 và 320.000 đồng theo biên lai thu số 0000526 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị còn được hoàn trả lại là 2.143.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt